

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2023

Về tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, về Tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kim Thị Mai H, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp CD, xã HH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Kim M, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp CD, xã HH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Kim Thị Mai H trình bày:

Vào năm 2003, chị với anh Kim M xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên Kim Dũy P, sinh ngày 18/3/2005 hiện đã thành niên; về tài sản chung và nợ chung không có.

Do vợ chồng sống chung không hợp, anh M không tin tưởng chị và kiếm chuyện cự cãi nên cuộc sống không hạnh phúc, từ đó chị với anh M không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Kim M.

Về con chung đã thành niên, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình tham giá tố tụng, bị đơn anh Kim M trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh có nhậu về kiếm chuyện cự cãi, do thương vợ nên nghe lời người khác ghen tuông và có hăm dọa, chửi vợ. Từ đó chị H dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở và anh đi làm ở xa nên hai vợ chồng đã không chung sống với nhau khoảng 05 năm. Khi anh về thăm vợ, con thì có xin lỗi nhưng vợ anh kiên quyết ở nhà cha, mẹ ruột không về đoàn tụ.

Nay anh không đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Kim Thị Mai H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Kim M vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị Mai H với anh Kim M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị H có nộp bản sao chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã HH cấp, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì không còn chung sống với nhau. Mặc dù khi Tòa án tổ chức phiên họp về hòa giải, anh M có yêu cầu được đoàn tụ nhưng đến nay thời gian dài, vợ chồng anh, chị không thể tự hàn gắn, đoàn tụ lại được; Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử nhưng anh M không đến tham dự phiên tòa để ý kiến về quan hệ hôn nhân của mình là đã bỏ mặc. Do đó, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được và đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục. Cho nên việc chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh M là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung đã thành niên; về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh M khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Mai H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Kim Thị Mai H được ly hôn với anh Kim M.

2. Về con chung đã thành niên; về tài sản chung và nợ chung, chị H và anh M khai không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí:

Buộc chị Kim Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011600, ngày 31/10/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện TC; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Kim M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND **xã HH;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiên Nghiệm